

Bản án số: 37/2024/DS-PT
Ngày 25 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản,
yêu cầu tuyên bố di
chức vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng
Các Thẩm phán: Ông Trần Mười
Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2024/QĐ-PT ngày 19/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐ-PT ngày 02/5/2024 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 314/TB-TA ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị L - sinh năm 1961; cư trú tại tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền lập ngày 05/10/2021).

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị H1 - sinh năm 1957; cư trú tại tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị H1:* Bà Hồng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 237/QĐ-TGPL ngày 05/8/2021 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị Lệ T1 - sinh năm 1966; cư trú tại tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Huỳnh Đức C - sinh năm 1972;

3. Ông Huỳnh Đức T2 - sinh năm 1973;

4. Bà Huỳnh Thị Bích Q - sinh năm 1978;

Cùng cư trú tại tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Huỳnh Thị T3 - sinh năm 1962;

6. Anh Đặng Ngọc Phi L1 - sinh năm 1994;

7. Chị Đặng Thị Thu M - sinh năm 1998;

8. Anh Đặng Ngọc M1 - sinh năm 1999;

9. Chị Đặng Thị Mỹ N - sinh năm 2001;

10. Chị Đặng Thị Mỹ L2 - sinh năm 2004;

Cùng cư trú tại tổ dân phố D, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

11. Chị Đặng Thị Ái Q1 - sinh năm 1987; cư trú tại tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

12. Chị Đặng Thị Mỹ T4 - sinh năm 1989; địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố D, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

13. Chị Đặng Thị Mỹ L3 - sinh năm 1992; cư trú tại phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố D, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

14. Ông Đặng Ngọc T5 - sinh năm 1964; cư trú tại khu phố G, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

15. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: D đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Tâm H2 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

16. Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ; địa chỉ: B Đ, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

** Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Ngọc T6 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ.

17. Bà Đặng Thị Hồng V; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

18. Bà Đặng Thị H3; cư trú tại đường N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

19. Ông Đặng Ngọc H4 - sinh năm 1970; cư trú tại số F đường N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

20. Ông Đặng Ngọc H5; cư trú tại thôn P, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

21. Ông Đặng Ngọc H6 - sinh năm 1965; cư trú tại khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

22. Bà Đặng Thị Mỹ H7 - sinh năm 1973; cư trú tại khu phố C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là bà Đặng Thị L.

(Bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Chí H, bà Hồng Thị T có mặt; bà Đặng Thị H1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/6/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đặng Thị L do ông Nguyễn Chí H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Đặng Thị L là cháu nội của cố Đặng T7 (chết năm 1977) và cố Tô Thị M2 (chết năm 1990). Cố T và cố M2 có 02 người con là cụ Đặng Ngọc T8 và cụ Đặng T9. Cụ Đặng T9 (chết năm 2012) có vợ là cụ Trần Thị X (chết năm 2021). Cụ T9 và cụ X có 06 người con là các ông, bà Đặng Thị Hồng V, Đặng Thị H3, Đặng Ngọc H6, Đặng Ngọc H5, Đặng Ngọc H4 và Đặng Thị Mỹ H7. Cụ Đặng Ngọc T8 (chết năm 1966) có vợ là cụ Nguyễn Thị H8 (chết năm 2019). Cụ T8 và cụ H8 có 06 người con là các ông, bà Đặng Thị H9 (chết năm 2014), có chồng là ông Huỳnh Đức T10 (chết năm 1974); bà H9 và ông T10 có 03 con chung là anh Huỳnh Đức C, anh Huỳnh Đức T2 và chị Huỳnh Thị Bích Q; Đặng Thị H1; Đặng Thị Lệ T1; Đặng Thị L; Đặng Ngọc T5 và Đặng Ngọc T11 (chết năm 2020), có vợ là bà Huỳnh Thị T3; ông T11 và bà T3 có 08 người con là chị Đặng Thị Ái Q1, chị Đặng Thị Mỹ T4, chị Đặng Thị Mỹ L3, anh Đặng Ngọc Phi L1, chị Đặng Thị Thu M, anh Đặng Ngọc M1, chị Đặng Thị Mỹ N và chị Đặng Thị Mỹ L2.

Khi còn sống cha mẹ của bà L là chủ sử dụng diện tích đất khoảng 02 sào, tại khối B, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn gốc diện tích đất này là do ông bà nội của bà L để lại. Năm 1985, do nhu cầu xây dựng nhà văn hóa huyện Đ nên Nhà nước đổi cho cụ Nguyễn Thị H8 thửa đất số 161 + 162, tờ bản đồ số 1, diện tích khoảng 830m², tại thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi để lấy thửa đất trên làm nhà văn hóa huyện Đ.

Sau khi được Nhà nước đổi đất thì cụ H8 làm nhà trên thửa đất được đổi để ở và cắt cho ông Đặng Ngọc T5 một phần diện tích đất có chiều ngang 10m, chiều dài 33m. Năm 2009, cụ H8 được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 1, diện tích 163,8m² (viết tắt là thửa 161) và thửa đất số

162, tờ bản đồ số 1, diện tích 235,5m² (viết tắt là thửa 162). Sau đó, cụ H8 cho ông T11 thửa 162, còn lại thửa 161.

Đối với phần diện tích đất cụ H8 đã cho ông T5 và ông T11 thì hiện nay ông T5 và ông T11 đã chuyển nhượng cho người khác nên bà L không yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất này.

Hiện nay bà Đặng Thị H1 đang quản lý, sử dụng thửa 161. Do thửa 161 nêu trên có một phần là di sản của cụ Đặng Ngọc T8 chết để lại nhưng Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ cho cá nhân cụ Nguyễn Thị H8, sau đó cụ H8 lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà Đặng Thị H1 là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị em bà L. Do đó, bà Đặng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy GCNQSDĐ số 846193, vào sổ cấp GCN số 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB ngày 03/10/2002 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho cụ Nguyễn Thị H8;

Tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Thị H8 lập ngày 07/4/2003, có chứng thực của UBND thị trấn Đ, huyện Đ (nay là UBND phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu;

Chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8 và cụ Nguyễn Thị H8 để lại là thửa 161 cho bà Đặng Thị H1, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị Lệ T1, mỗi đồng thừa kế được nhận một kỷ phần là 54,4m². Ông Đặng Ngọc T5 và ông Đặng Ngọc T11 đã được cụ H8 cho đất, các con của bà H9 không yêu cầu nên bà L không yêu cầu chia thừa kế cho ông T5, ông T11 và các con của bà H9.

Đối với các tài sản gắn liền với thửa 161 là do cụ Nguyễn Thị H8 và bà Đặng Thị H1 xây dựng, cụ thể: Cụ H8 xây dựng phần nhà nằm ở phần đất giáp với đường Phạm Văn Đ, còn bà H1 xây dựng phần nhà nằm ở phần đất giáp với đường T. Bà L không yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với tài sản gắn liền với thửa 161. Trường hợp, Tòa án giao cho các thừa kế khác được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật thì bà L không yêu cầu phải thối lại giá trị phần tài sản gắn liền với đất do cụ H8 để lại; trường hợp bà L được giao nhận di sản thừa kế bằng hiện vật thì bà L cũng không thối lại cho các thừa kế khác giá trị phần tài sản gắn liền với đất do cụ H8 để lại. Tại phiên tòa, bà L không yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho cụ Nguyễn Thị H8 ngày 03/10/2002.

** Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 17/8/2022, biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Đặng Thị H1 trình bày:*

Về quan hệ huyết thống thì bà thống nhất với trình bày của bà Đặng Thị L. Khi còn sống, cha mẹ của bà (cụ Đặng Ngọc T8 và cụ Nguyễn Thị H8) là chủ sử dụng diện tích đất khoảng 02 sào, tại khối B, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N,

thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Nguồn gốc diện tích đất này là do ông bà nội của bà để lại.

Sau khi cụ T8 chết thì cụ H8 cùng với mẹ chồng là cố Tô Thị M2 chung sống tại thửa đất này. Đến năm 1985, do nhu cầu xây dựng nhà văn hóa huyện Đ nên chính quyền đã chuyển đổi diện tích đất nêu trên sang thửa đất tại khối F, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Bà không nhớ cụ thể Nhà nước chuyển đổi cho cụ H8 diện tích đất bao nhiêu, giới cận như thế nào, nhưng cụ H8 là người được Nhà nước cấp đổi đất và là người có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Sau khi được đổi đất thì bà và cụ H8 xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất để ở, toàn bộ tiền làm nhà là của bà, đã được cụ H8 nêu rõ trong di chúc.

Ngày 03/10/2002, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ số 846193, vào sổ GCN số 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 tại thửa đất số 161 + 162, tờ bản đồ số 1, diện tích 399,3m².

Khi còn sống, cụ H8 đã cho ông Đặng Ngọc T5 một phần đất có chiều ngang 10m, chiều dài 27,15m và ông T5 đã bán diện tích đất này để vào P làm ăn, sinh sống. Cụ H8 cũng đã cho ông Đặng Ngọc T11 một phần đất kế tiếp phần đất cho ông T5 có chiều ngang 6,5m, chiều dài 27,15m, giáp với phần đất còn lại bà H1 đang quản lý. Phần đất mà ông T11 được cụ H8 cho thì ông T11 đã thế chấp cho Ngân hàng và đã bị Ngân hàng bán phát mãi vào năm 2018. Đối với phần đất mà cụ H8 đã cho ông T5 và ông T11 thì bà H1 không có yêu cầu gì. Đối với phần đất còn lại, nay là thửa 161, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà H1 xây dựng. Ngày 07/4/2003, cụ H8 đến UBND thị trấn Đ, huyện Đ (nay là UBND phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi để lập di chúc để thừa kế lại cho bà phần đất và căn nhà cấp 4 tại thửa 161.

Nay bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy GCNQSDĐ số 846193, số vào sổ GCN 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB ngày 03/10/2002 của UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho cụ Nguyễn Thị H8; tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Thị H8 lập ngày 07/4/2003, có chứng thực của UBND thị trấn Đ, huyện Đ (nay là UBND phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu; chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8 và cụ Nguyễn Thị H8 để lại là thửa 161 cho bà Đặng Thị H1, bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị Lệ T1 thì bà H1 không đồng ý, vì: Cụ H8 là người sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất mà Nhà nước cấp đổi; bà H1 là người ở với cụ H8, chăm sóc cụ H8 lúc tuổi già nên việc cụ H8 lập di chúc để lại thửa 161 cho bà H1 là đảm bảo quyền lợi cho bà H1.

Ngoài ra, cụ T8 chết năm 1966 nhưng đến năm 2021 bà Đặng Thị L mới khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T8 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, bà H1 yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T8.

** Tại các biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2021, 08/11/2021, 22/7/2022 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Lệ T1 trình bày:*

Về quan hệ huyết thống thì bà thống nhất với trình bày của bà Đặng Thị L. Khi còn sống thì cha mẹ của bà là chủ sử dụng diện tích đất tại khối B, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi nhưng không rõ diện tích cụ thể bao nhiêu. Nguồn gốc diện tích đất này là do ông, bà nội của bà để lại. Sau khi cụ T8 chết thì cụ H8 và cố M2 cùng chung sống tại thửa đất này. Năm 1985, do nhu cầu xây dựng Nhà văn hóa huyện Đ nên chính quyền chuyển đổi diện tích đất trên sang thửa đất tại khối F, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi được đổi đất thì cụ H8 đã cho ông Đặng Ngọc T5 một phần đất có chiều ngang 10m, chiều dài hết phần đất và ông T5 đã bán diện tích đất này để vào P làm ăn sinh sống. Sau đó, cụ H8 có cho ông Đặng Ngọc T11 một phần đất kế tiếp phần đất ông T5 đã bán, có chiều ngang 6,5m, chiều dài hết phần đất và phần đất này giáp với phần đất còn lại do bà H1 quản lý, sử dụng. Đối với phần diện tích đất cụ H8 đã cho ông T5 và ông T11 thì bà không có ý kiến gì. Đối với phần ngôi nhà từ phần nhà trên đến nhà bếp là do cụ H8 và bà H1 cùng xây dựng vào năm 1990; đối với phần nhà phía sau mới xây là của bà H1 xây dựng.

Nay bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho cụ H8 thì bà không đồng ý vì thửa đất này Nhà nước cấp cho cụ H8 là hợp pháp. Việc cụ H8 để lại di chúc cho bà Đặng Thị H1 là không đảm bảo quyền lợi của bà nên bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc vô hiệu và chia thừa kế đối với thửa 161 cho bà, bà Đặng Thị H1 và bà Đặng Thị L nhưng tạm thời vẫn để cho bà H1 ở và dùng để thờ cúng tổ tiên. Riêng ông T5 và ông T11 đã được mẹ cho đất nên không chia thừa kế cho ông T5 và ông T11. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 trình bày bà không đồng ý chia thừa kế đối với thửa 161, yêu cầu để thửa đất nêu trên làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2022, 08/4/2022, 23/12/2021 và các văn bản trình bày khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Ngọc T5 trình bày:*

Về quan hệ huyết thống thì ông thống nhất với trình bày của bà Đặng Thị L. Khi ông bà nội của ông chết có để lại diện tích đất khoảng 02 sào tại khối B, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi ông nội của ông chết thì mẹ và bà nội của ông tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất trên. Khi còn sống, bà nội của ông có nói miệng sau này diện tích đất Nhà nước đổi để xây dựng nhà văn hóa để lại cho ông.

Tại thời điểm đổi đất năm 1984, do bà nội của ông già yếu, không biết chữ nên mẹ của ông làm đơn xin đổi đất để xây dựng nhà ở. Bà nội của ông không có lập giấy tờ gì để lại quyền sử dụng đất cho cụ H8 hoặc cho ai cả, chỉ nói miệng để lại diện tích đất đổi cho ông là cháu đích tôn.

Diện tích đất Nhà nước đổi cho cụ H8 hiện nay bà H1 xây dựng nhà đang ở. Sau khi Nhà nước đổi đất cho cụ H8, đến khoảng năm 1988 thì cụ H8 xây dựng nhà ở tại thửa đất được đổi. Sau đó, cụ H8 có cho ông Đặng Ngọc T11 một phần đất nhưng diện tích cụ thể bao nhiêu thì ông không rõ. Diện tích đất cụ H8 cho ông T11 thì ông T11 đã thế chấp cho Ngân hàng, sau đó không trả được nợ nên đã bị Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ. Bà L và bà H1 cho rằng năm 1985 cụ H8 cho ông đất là không đúng, diện tích đất liền kề với diện tích đất Nhà nước đổi cho cụ H8 là do ông khai hoang vào khoảng năm 1980 để trồng hoa màu, sau đó Nhà nước mới cắm mốc đổi đất cho cụ H8. Khoảng năm 1996 -1997, ông đã bán nhà và đất này để vào tỉnh Ninh Thuận làm ăn, sinh sống.

Nay ông đồng ý với phần yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Thị H8 ngày 07/4/2003 vô hiệu và hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho cụ Nguyễn Thị H8, vì nguồn gốc thửa đất là của ông, bà nội của ông là cố Tính và cố Mục tạo lập; ông không đồng ý chia di sản thừa kế đối với thửa 161, giao nhà và đất tại thửa đất nêu trên cho bà H1 tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến khi chết, sau khi bà H1 chết thì giao lại cho ông quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng ông, bà.

Trường hợp các đồng thừa kế khác xác định thửa 161 là di sản thừa kế của cụ H8 và cụ T8 để lại thì ông yêu cầu chia đều cho các thừa kế gồm: Ông (Đặng Ngọc T5), bà Đặng Thị H1, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị Lệ T1 và bà Đặng Thị H9 (các con của bà H9 nhận phần thừa kế của bà H9); ông yêu cầu được nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền. Đối với ông Đặng Ngọc T11 lúc còn sống đã được cụ H8 cho đất nên không được chia.

Đối với tài sản là ngôi nhà gắn liền với thửa 161 là của bà H1 xây dựng nên người thừa kế nào nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật có tài sản của bà H1 phải hoàn trả lại giá trị tài sản cho bà H1, trường hợp bà H1 được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất được chia cho thừa kế khác thì bà H1 phải trả lại giá trị cho các thừa kế khác. Đối với diện tích đất lúc còn sống cụ H8 đã cho ông T11 thì ông không có yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị T3 và các anh, chị Đặng Thị Ái Q1, Đặng Thị Mỹ T4, Đặng Thị Mỹ L3, Đặng Ngọc Phi L1, Đặng Thị Thu M, Đặng Ngọc M1, Đặng Thị Mỹ N và Đặng Thị Mỹ L2 (là vợ, con của ông Đặng Ngọc T11) trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, trường hợp Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật thì đồng ý nhận di sản bằng hiện vật và giao lại cho bà H1 quản lý, sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Đức C và Huỳnh Đức T2 (là con của bà Đặng Thị H9) trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, trường hợp Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật thì đồng ý nhận di sản bằng hiện vật và giao lại cho bà H1 quản lý, sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Bích Q (là con của bà Đặng Thị H9) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L.*

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Đặng Thị Hồng V, Đặng Thị H3, Đặng Ngọc H5, Đặng Ngọc H4 (là con của ông Đặng T9, bà Trần Thị X) trình bày: Không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/11/2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Ngọc H6, bà Đặng Thị Mỹ H7 (là con của cụ Đặng T9, cụ Trần Thị X) trình bày:*

Trường hợp các đồng thừa kế của cụ T8 và cụ H8 yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 161 thì ông, bà yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế bằng tiền. Trường hợp Tòa án xét xử để lại di sản thừa kế cho bà Đặng Thị H1 là người quản lý, sử dụng thì ông, bà thống nhất, không có ý kiến gì. Ngày 12/12/2022, ông H6, bà H7 rút toàn bộ yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị H1.

** Tại văn bản số 102/UBND ngày 04/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường N trình bày:*

Di chúc của cụ Nguyễn Thị H8 ngày 07/4/2003 là do ông Nguyễn Bảo T12 viết giúp. Tại thời điểm ông T12 viết giúp di chúc trên cho cụ H8 thì ông T12 đang là cán bộ Tư pháp – Hộ tịch thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), ông T12 không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với tài sản của cụ H8. Tại thời điểm lập di chúc thì cụ H8 là công dân của khối F, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là tổ dân phố F, phường N, thị xã Đ), cụ H8 lúc đó tuy tuổi đã cao nhưng tinh thần của cụ H8 rất sáng suốt, minh mẫn, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; ý chí của cụ H8 để lại toàn bộ tài sản cho bà H1 là tự nguyện, không có sự ép buộc hay xúi giục của người khác. Việc cụ H8 lập di chúc để lại tài sản cho bà Đặng Thị H1 và ông Đặng Ngọc T11 đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại văn bản số 1753/UBND ngày 12/8/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị xã Đ cung cấp thông tin và trình bày:*

Ngày 05/7/2002, cụ Nguyễn Thị H8 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 161 + 162, tờ bản đồ số 1, diện tích 399,3m²; nguồn gốc sử dụng đất được UBND huyện Đ cấp ngày 01/10/1985 theo đơn xin đổi đất của cụ Nguyễn Thị H8. Ngày 03/10/2002, UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp GCNQSDĐ đất lần đầu cho hộ cụ Nguyễn Thị H8, có số phát hành U 846193, vào sổ GCN số 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB (H), tại thửa đất số 161 + 162, tờ bản đồ số 1, diện tích 399,3m², mục đích sử dụng đất: Đất ở 300m², đất vườn 99,3m².

Toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ nêu trên, cũng như thực tế về căn nguyên nguồn gốc đất từ trước đến ngày cấp GCNQSDĐ không có ai tranh chấp. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 là phù hợp với quy định tại Thông tư số 1900/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc nguyên đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp ngày 03/10/2002 cho hộ cụ Nguyễn Thị H8, có số phát hành U 846193, vào sổ cấp GCN số 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB(H) là không có căn cứ pháp lý.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng:* Nguồn gốc thửa 161 là do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp đổi cho cụ Nguyễn Thị H8 vào năm 1985. Ngày 07/4/2003, cụ H8 lập di chúc để lại thửa 161 nêu trên cho bà Đặng Thị H1. Di chúc này được lập đúng theo quy định của pháp luật và bà H1 đã khai nhận di sản thừa kế theo di chúc, ngày 04/5/2019 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý trang tư sang tên bà Đặng Thị H1. Ngoài ra, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8 đã hết. Do đó, việc bà Đặng Thị L yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ H8 ngày 07/4/2003 vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H8 và cụ T8 đối với thửa 161 nêu trên là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với việc nguyên đơn yêu cầu hủy cấp GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 03/10/2002 cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 là không phù hợp vì hiện nay GCNQSDĐ này không còn.

** Bản án số 45/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H8.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Thị H8 ngày 07/4/2003, có chứng thực của UBND thị trấn Đ, huyện Đ (nay là UBND phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 25/9/2023, nguyên đơn là bà Đặng Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng chấp nhận việc khởi kiện của bà L là trong thời hiệu, do điều kiện khách quan, dịch bệnh nên Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện không đến được với người khởi kiện; hủy GCNQSDĐ đã cấp cho cụ Nguyễn Thị H8, số phát hành 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB ngày 03/10/2002 của UBND huyện Đ; hủy di chúc ngày 07/4/2003 của cụ Nguyễn Thị H8; chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa 161 làm 3 kỷ

phần cho bà Đặng Thị H1 01 kỷ phần, bà Đặng Thị L 01 kỷ phần, bà Đặng Thị T1 01 kỷ phần, bà Đặng Thị H9 đã chết các con của bà H9 không yêu cầu nên không chia.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, các ông, bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Chí H, bà Đặng Thị H1, bà Hồng Thị T đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị L làm trong hạn luật định là hợp lệ theo các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị L, giữ nguyên bản án số 45/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân thị xã Đ tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 25/9/2023, bà Đặng Thị L có đơn kháng cáo. Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo phù hợp quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận: Cố Đặng T7 (chết năm 1977) và cố Tô Thị M2 (chết năm 1990) có 02 người con là cụ Đặng

Ngọc T8 (chết năm 1966) và cụ Đặng T9 (chết năm 2012). Cụ T9 có vợ là cụ Trần Thị X (chết năm 2021), có 06 người con, là các ông, bà Đặng Thị Hồng V, Đặng Thị H3, Đặng Ngọc H6, Đặng Ngọc H5, Đặng Ngọc H4 và Đặng Thị Mỹ H7. Cụ T8 (chết năm 1966) có vợ là cụ Nguyễn Thị H8 (chết năm 2019), có 06 người con, gồm: Bà Đặng Thị H9 (chết năm 2014), có chồng là ông Huỳnh Đức T10 (chết năm 1974), bà H9 và ông T10 có 03 con chung là: Huỳnh Đức C, Huỳnh Đức T2 và Huỳnh Thị Bích Q; bà Đặng Thị H1; bà Đặng Thị Lệ T1; bà Đặng Thị L; ông Đặng Ngọc T5 và ông Đặng Ngọc T11 (ông T11 chết năm 2020, có vợ là bà Huỳnh Thị T3, ông T11 và bà T3 có 08 người con là các anh, chị Đặng Thị Ái Q1, Đặng Thị Mỹ T4, Đặng Thị Mỹ L3, Đặng Ngọc Phi L1, Đặng Thị Thu M, Đặng Ngọc M1, Đặng Thị Mỹ N và Đặng Thị Mỹ L2).

[2.2.] Các bên đương sự đều thừa nhận cụ Đặng Ngọc T8 và cụ Nguyễn Thị H8 được cổ T7 và cổ Mục cho mảnh vườn có diện tích đất khoảng 02 sào tại khối B, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi cụ T8 chết thì cụ H8 tiếp tục sinh sống cùng với cổ Mục tại thửa đất này. Khoảng năm 1984-1985, Nhà nước giải tỏa toàn bộ thửa đất trên để xây dựng nhà văn hóa huyện Đ, nên ngày 05/12/1984 cụ Nguyễn Thị H8 làm “*Đơn xin đổi đất làm nhà ở*”. Ngày 01/10/1985, được UBND xã P, UBND huyện Đ nhất trí cấp đất cho cụ H8 tại khối F, thị trấn Đ. Ngày 05/6/2002, cụ H8 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa số 161+162, tờ bản đồ số 01, diện tích 399,3m² (trong đó có 300m² đất ở và 99,3m² đất vườn), nguồn gốc sử dụng đất được ghi trong đơn là được UBND huyện Đ cấp ngày 01/10/1985 theo đơn xin đổi đất của cụ Nguyễn Thị H8. Ngày 03/10/2002, UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số U 846193, vào sổ cấp GCN: 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 tại thửa đất số 161 + 162, tờ bản đồ số 1, diện tích 399,3m².

Ngày 07/4/2003, cụ Nguyễn Thị H8 đến UBND thị trấn Đ (nay là UBND phường N) nhờ cán bộ Tư pháp – Hộ tịch thị trấn Đ là ông Nguyễn Bảo T12 viết giúp di chúc để lại toàn bộ thửa đất số 161 + 162 theo GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN 00127/QSDĐ/764/QĐ-UB ngày 03/10/2002 cho bà Đặng Thị H1 và con trai út là ông Đặng Ngọc T11, được UBND thị trấn Đ chứng thực. Trong di chúc cụ H8 xác định toàn bộ tiền xây dựng nhà là của con gái là bà Đặng Thị H1 bỏ ra xây dựng. Theo nội dung di chúc, cụ Nguyễn Thị H8 giao cho bà Đặng Thị H1 có quyền sở hữu, sử dụng căn nhà và đất có giới cận: Phía Đông giáp đường băng, phía Tây giáp đường đi nội xóm, phía Nam giáp đất còn lại, phía Bắc giáp đất ông Huỳnh Thanh P; phần đất giao cho ông Đặng Ngọc T11 có giới cận: Phía Đông giáp đường băng, phía Tây giáp đường đi nội xóm, phía Nam giáp đất ông Huỳnh C1 và phía Bắc giáp phần đất của bà Đặng Thị H1.

Ngày 16/02/2009, cụ Nguyễn Thị H8 làm đơn xin tách thửa đất số 161 + 162 thành 02 thửa là thửa 161 có diện tích 163,8m² và thửa 162 có diện tích 235,5m², được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AM 898070, sổ vào sổ cấp GCN: H.03096 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 01, diện tích 163,8m² và GCNQSDĐ

số AM 898071, số vào sổ cấp GCN: H.03097 đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 01, diện tích 235,5m². Ngày 11/6/2011, cụ H8 làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 161 và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BE 000800, số vào sổ cấp GCN: CH.00441 ngày 09/11/2011 cho cụ Nguyễn Thị H8. Đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 01, diện tích 235,5m² ông T11 đã chuyển nhượng cho người khác, hiện nay các bên không tranh chấp.

Ngày 10/02/2019, cụ H8 chết, đến ngày 17/4/2019 bà H1 lập văn bản khai nhận di sản thừa kế (có chứng thực của UBND thị trấn Đ). Ngày 04/5/2019, bà Đặng Thị H1 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý trang tư sang tên bà Đặng Thị H1 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, có căn cứ xác định: Sau khi cụ Đặng Ngọc T8 chết năm 1966, cụ H8 sống cùng với cố Mục trên mảnh vườn khoảng 02 sào tại khối B, thị trấn Đ. Sau đó, toàn bộ mảnh vườn này đã bị UBND huyện Đ giải tỏa để xây dựng nhà văn hóa huyện Đ. Ngày 05/12/1984, cụ H8 làm đơn xin đổi đất làm nhà ở và được chính quyền địa phương huyện Đ đồng ý cấp đất cho cụ H8 vào năm 1985 (trong đó có thửa đất số 161, tờ bản đồ số 01, diện tích 163,8m² tại phường N, thị xã Đ). Sau khi được cấp đất, cụ H8 đã xây dựng nhà ở tại thửa đất này (tiền xây dựng nhà đã được cụ H8 xác định rõ trong di chúc là của bà Đặng Thị H1) và được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 161 không ai tranh chấp, khiếu nại gì. Vì vậy, quyền sử dụng đất tại thửa đất này là tài sản riêng của cụ H8, không phải là tài sản chung của cụ H8 và cụ T8.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

[2.3.1] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng việc khởi kiện là trong thời hiệu; do điều kiện khách quan, dịch bệnh nên Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện không đến được với người khởi kiện:

Theo đơn xin xác nhận đề ngày 14/11/2019 của bà Đặng Thị L được UBND xã P xác nhận cụ Đặng Ngọc T8 chết năm 1966. Căn cứ Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; tiểu mục b, mục 10 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 623, điểm d, khoản 1, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4, Điều 4, Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với bất động sản là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990. Theo nội dung giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao tại Phần I về dân sự như sau: *“Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được tính từ ngày 10/9/1990”*. Nhưng đến ngày 20/01/2021 bà Đặng Thị L mới khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T8 (bút lục 09) là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản thừa kế của cụ T8.

Tại Công văn số 508/TA-DS ngày 10/8/2023 của TAND tỉnh Quảng Ngãi về việc cung cấp thông tin thì vào ngày 21/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có nhận được đơn khởi kiện của bà Đặng Thị L đề ngày 17/10/2019, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H8 số phát hành: 00127/QSĐĐ/764/QĐ-UB ngày 03/10/2002 của UBND huyện Đ; Hủy di chúc ngày 07/4/2003 của bà Nguyễn Thị H8. Bà L không khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 161, tờ bản đồ số 01, diện tích 163,8m² tại phường N Do đơn khởi kiện của bà L không đúng nên ngày 28/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 1571/TB-TA về việc yêu cầu bà L sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Ngày 27/11/2019, bà L nộp trực tiếp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung tại Tòa án; nhưng do bà L không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán, nên ngày 01/12/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 1784/TB-TA về việc yêu cầu bà L sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện lần 2; tuy nhiên đã quá thời hạn quy định theo thông báo trên nhưng bà L vẫn không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán, do đó vào ngày 03/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã trả lại đơn khởi kiện cho bà L. Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bà Đặng Thị L, bà L không khiếu nại và Viện kiểm sát không kiến nghị. Như vậy, việc bà L cho rằng do điều kiện khách quan, dịch bệnh Covid 19 nên Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện không đến được với người khởi kiện là không có căn cứ, nên không được Tòa án chấp nhận. Tại phiên tòa, bà L cho rằng trong thời gian gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì bà bị Covid 19 nên phải cách ly và điều trị tại huyện M, nhưng bà không cung cấp được căn cứ để chứng minh.

Do thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ T8 đã hết và bị đơn là bà Đặng Thị H1 có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3.2]. Xét kháng cáo yêu cầu hủy GCNQSDĐ cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 số vào sổ 00127/QSĐĐ/764/QĐ-UB ngày 03/10/2002, tại thửa đất số 161+162, tờ bản đồ số 1, diện tích 399,3m², Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như đã nhận định tại mục [2.2] thì năm 2002, UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: 00127/QSĐĐ/764/QĐ-UB cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 tại thửa đất số 161 + 162, tờ bản đồ số 1, diện tích 399,3m². Năm 2009, thửa 161 + 162, được tách thành 02 thửa là thửa 161 và thửa 162. Năm 2011, cụ Nguyễn Thị H8 được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH.00441. Ngày 17/4/2019, bà H1 lập văn bản khai nhận di sản thừa kế, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý trang tư sang tên bà Đặng Thị H1 vào ngày 04/5/2019. Như vậy, thửa 161 đã được UBND huyện Đ cấp lại GCNQSDĐ cho cụ Nguyễn Thị H8 vào năm 2009 và 2011 nên hiện nay GCNQSDĐ số U 846193, vào sổ GCN

00127/QSDĐ/764/QĐ-UB do UBND huyện Đ cấp ngày 03/10/2002 cho cụ Nguyễn Thị H8 không còn nên bà Đặng Thị L yêu cầu hủy GCNQSDĐ nêu trên là không phù hợp. Mặc khác, tại phiên tòa sơ thẩm bà L không yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ nêu trên. Do đó, yêu cầu kháng cáo hủy GCNQSDĐ cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị H8 vào năm 2002 của bà Đặng Thị L là không có căn cứ.

[2.3.3] Xét yêu cầu hủy di chúc ngày 07/4/2003 của cụ Nguyễn Thị H8 thì thấy rằng: Ngày 07/4/2003, cụ H8 lập di chúc để lại thừa kế thừa 161 cho bà Đặng Thị H1. Di chúc này được lập tại UBND thị trấn Đ, do cán bộ tư pháp viết giúp và có xác nhận của UBND thị trấn Đ ngày 07/4/2003 là đúng theo quy định tại các điều 653, 655, 656, 660 và 661 của Bộ luật dân sự năm 1995 nên di chúc nêu trên của cụ Nguyễn Thị H8 là hợp pháp.

[2.3.4] Xét kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thừa 161 làm 03 kỳ phần của nguyên đơn: Như đã nhận định tại mục [2.3.1] thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8 đã hết nên căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8. Quyền sử dụng đất tại thừa 161 cụ H8 đã lập di chúc để thừa kế cho bà Đặng Thị H1. Sau khi cụ H8 chết, bà H1 lập văn bản khai nhận di sản thừa kế, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh huyện Đ chỉnh lý trang tư sang tên bà Đặng Thị H1 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, thừa đất nêu trên không còn là di sản của cụ Nguyễn Thị H8.

[3] Từ những nhận định nêu trên, thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đồng; chi phí đo đạc 4.500.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản 7.000.000đồng; tổng cộng là 13.500.000 đồng. Nguyên đơn là bà Đặng Thị L phải chịu; người đại diện theo ủy quyền của bà L đã nộp và chi phí xong.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (viết tắt là Nghị quyết số 326), Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị H1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 147, 157, 158, 165, 166, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 296; điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 653, 655, 656, 660 và 661 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H8.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Đặng Ngọc T8.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L về việc tuyên bố di chúc của cụ Nguyễn Thị H8 ngày 07/4/2003, có chứng thực của UBND thị trấn Đ, huyện Đ (nay là UBND phường N, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vô hiệu.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn*). Người đại diện theo ủy quyền của bà L đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng và đã chi xong.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thị xã Đ;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng